TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 319/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 728/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 348B BS, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trì Hà P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 242/4/6 BH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/10/2019 cùng lời khai của bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 105, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 cấp ngày 12/11/2010. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà gia đình bà Thắm. Thời gian đầu cuộc sống

vợ chồng hạnh phúc, đến giữa tháng 5 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà T phát hiện ông P có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông P chấm dứt mối quan hệ này nhưng ông P vẫn không thay đổi. Vì vậy vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau. Đến tháng 12/2013 ông P bỏ về nhà ông P và vợ chồng chính thức ly thân từ thời điểm đó cho đến nay.

- Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu ly hôn với ông Trì Hà P.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010, không yêu cầu ông Trì Hà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có.

Ngày 08/5/2020 bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại phiên tòa xét xử.

Phía ông Trì Hà P không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án việc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 17/10/2019, bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện (có hình thức, nội dung theo Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự), xin ly hôn đối với ông Trì Hà P, địa chỉ tại Số 242/4/6 BH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trì Hà P theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông Trì Hà P đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa.

Nhưng ông Trì Hà P đã không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để: làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ông Trì Hà P là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tống đạt hợp lệ cho ông Trì Hà P thông báo thụ lý vụ án số 1396/TB-TLVA ngày 05/12/2019 về việc thụ lý vụ án "Ly hôn" theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trì Hà P. Phía ông Trì Hà P không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông Trì Hà P đã "không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu…" mà bà Nguyễn Thị T đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do bà Nguyễn Thị T đưa ra có giá trị chứng minh.

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 105, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 cấp ngày 12/11/2010. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P là hợp pháp.

Xét: Khi bà Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trì Hà P đến Tòa để ghi nhận ý kiến và tham gia phiên hòa giải, để ông Trì Hà P có thể trình bày ý kiến nhằm tháo gỡ vướng mắc của vợ chồng, xây dựng lại gia đình hạnh phúc, nhưng ông Trì Hà P không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ, ông Trì Hà P đã không để tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, thiếu trách nhiệm với gia đình và không tôn trọng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T khai: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa tháng 5 năm 2013 do bà Tphát hiện ông P có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông P chấm dứt mối quan hệ này nhưng ông P vẫn không thay đổi. Vì vậy vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau. Đến tháng 12/2013 ông P bỏ về nhà ông P và vợ chồng chính thức ly thân từ thời điểm đó cho đến nay.

Như vậy, giữa bà T và ông P đã có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ giữa tháng 5/2013 dẫn đến việc cả hai sống ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Nay bà Txác định không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu ly hôn với ông Trì Hà P, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được. Điều này cho thấy, tình nghĩa vợ chồng của bà T và ông P không còn như Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình đã nêu: "1.Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà Tvà ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, có cơ sở kết luận việc bà Txin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị T và giấy khai sinh số: 223, quyển số: 01/2010 ngày 16/12/2010 của trẻ Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P có 01 (một) con chung tên là Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010.

Xét: Theo bà T trình bày hiện trẻ Trì Thanh Xuân đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Tcó công việc và thu nhập ổn định, có khả năng chăm sóc tốt cho con. Đồng thời, trong Đơn trình bày nguyện vọng tại Tòa án thì trẻ Trì Thanh Xuân có mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T. Phía ông P vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến phản bác. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ giao trẻ Trì Thanh Xuân cho bà Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên là Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị T khai không có tài sản chung với ông Trì Hà P, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T khai không có nợ chung với ông Trì Hà P, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, thì bà Nguyễn Thị T chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0011713, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia

đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trì Hà P.

- Về con chung:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P có 01 (một) con chung tên là Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010.

Giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con tên là Trì Thanh Xuân, sinh ngày 24/11/2010.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trì Hà P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trì Hà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có tài sản chung với ông Trì Hà P.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có nợ chung với ông Trì Hà P.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0011713 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 105, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 cấp ngày 12/11/2010 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

4. Bà Nguyễn Thị T và ông Trì Hà P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 04, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Bình Minh